

Quyết định tái thẩm

Số: 32/2025/DS-TT

Ngày: 13/6/2025

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản,
chia tài sản chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với Hội đồng xét xử tái thẩm gồm:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long.

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường và ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Nhị Tứ - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án dân sự: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, chia tài sản chung*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Phạm Ngọc Q, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Phạm Thị T1; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949;

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985;

- Ông Trần Văn Thanh C, sinh năm 1985;

- Cháu Trần Quốc K, sinh năm 2008;

- Cháu Trần Ngọc Như Ý, sinh năm 2015;

Người đại diện hợp pháp cho cháu K, cháu Ý: bà Phạm Thị N, ông Trần Văn Thanh C.

Cùng địa chỉ cư trú: thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Đinh Thị B1, sinh năm 1988;

- Cháu Đinh Ngọc Tấn Đ, sinh năm 2018;

Người đại diện hợp pháp cho cháu Đ: ông Phạm Ngọc T, bà Đinh Thị B1.

- Cháu Đinh Ngọc Tấn P, sinh năm 2020;

Người đại diện hợp pháp cho cháu P: bà Đinh Thị B1;

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn C, Xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Phạm Ngọc Q trình bày:*

Cha mẹ ông là ông Phạm Ngọc B2 (sinh năm 1950, chết ngày 18/01/2016) và bà Nguyễn Thị B có 03 người con chung gồm Phạm Ngọc Q, Phạm Ngọc T, Phạm Thị N; cha mẹ ông không có con nuôi hay con riêng nào khác; ông bà nội của ông đã chết. Quá trình chung sống cha mẹ ông tạo lập được thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20, xã T, thành phố Q có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 642239 đứng tên hộ ông Phạm Ngọc B2. Năm 2012, Nhà nước thu hồi diện tích 523m² đất thuộc thửa đất số 99 để làm đường, còn lại 767m² (đo thực tế là 734,6m²), trên mảnh vườn có căn nhà cấp 4 xây dựng từ năm 2008.

Năm 2016 cha ông chết và không để lại di chúc. Năm 2018, mẹ và các anh em ông đã tiến hành phân chia đất nhưng khi các thành viên tiến hành làm thủ tục tách thửa thì ông Phạm Ngọc T không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Ngọc B2 là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20 có diện tích là 367,3m² và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4, $\frac{1}{2}$ nhà tắm, $\frac{1}{2}$ giếng đóng gắn liền với đất theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông B2. Phân tài sản trên đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Ngọc T về việc chia $\frac{1}{2}$ thửa đất số 921 cùng tài sản gắn liền trên đất, tờ bản đồ số 20, xã T, thành phố Q thì ông yêu cầu chia thành 05 kỷ phần cho 04 người thừa kế, mỗi người 1/5 diện tích đất và 1/5 giá trị tài sản trên đất. Toàn bộ kỷ phần ông được hưởng giao lại cho bà B sử dụng, sở hữu.

Tại phiên tòa, ông Q rút một phần yêu cầu khởi kiện chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4, $\frac{1}{2}$ nhà tắm, $\frac{1}{2}$ giếng đóng gắn liền với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20. Đồng thời, đồng ý với việc ông T rút yêu cầu phản tố và đồng ý với nguyện vọng nhập $\frac{1}{2}$ tài sản nhà đất tại thửa đất số 99 của bà B vào di sản thừa kế để chia thừa kế.

- *Bị đơn ông Phạm Ngọc T trình bày:* Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế. Quá trình chung sống cha mẹ ông chỉ tạo lập được nhà và đất tại thửa đất số 921 cùng tài sản gắn liền trên đất, tờ bản đồ số 20, xã T, thành phố Q có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 13222 đứng tên bà Nguyễn Thị B. Vì vậy, ông có yêu cầu phản tố chia $\frac{1}{2}$ thửa đất số 921, tờ bản đồ số 20 là 174,65m² và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật

và yêu cầu hưởng bằng giá trị; còn phần tài sản trên đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

Đối với nhà đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20, xã T, thành phố Q có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 642239 đứng tên hộ ông Phạm Ngọc B2 là của ông bà nội ông chết để lại nên là tài sản riêng của ông B2. Đối với đất ông có nguyên vọng chia làm 06 kỷ phần, ông hưởng 03 kỷ phần (kỷ phần theo pháp luật, kỷ phần công sức nuôi dưỡng ông B2, kỷ phần tông tạo bảo quản di sản) và yêu cầu được chia bằng hiện vật; cây cối trên đất chia cho ai thì người đó được hưởng. Đối với nhà cấp 4 trên đất ông yêu cầu chỉ làm 05 kỷ phần, ông hưởng 02 kỷ phần (kỷ phần theo pháp luật và kỷ phần tu sửa nhà) và yêu cầu nhận nhà thối trả giá trị cho các thừa kế khác.

Tại phiên tòa ông T rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia $\frac{1}{2}$ thửa đất số 921, tờ bản đồ số 20 là $174,65m^2$ và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất; ông đồng ý với nguyện vọng nhập $\frac{1}{2}$ tài sản nhà đất tại thửa đất số 99 của bà B vào di sản để chia thừa kế và đồng ý với việc ông Q rút một phần yêu cầu khởi kiện chia $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế của ông B2 là $\frac{1}{2}$ nhà cấp 4, $\frac{1}{2}$ nhà tắm, $\frac{1}{2}$ giếng trên thửa đất số 99.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà xác định nhà, đất tại thửa đất 99 là tài sản chung của bà với ông B2 và yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản nhà đất của mình; còn $\frac{1}{2}$ nhà đất của ông B2 bà xin được chia bằng hiện vật cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Bà yêu cầu được hưởng phần đất có căn nhà và thối trả giá trị cho các thừa kế. Phần tài sản trên đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

Bà có yêu cầu độc lập chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 99, tờ bản đồ số 2 là $367,3m^2$ và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4, $\frac{1}{2}$ nhà tắm, $\frac{1}{2}$ giếng đóng gắn liền với đất cho bà. Tại phiên tòa bà tự nguyện nhập $\frac{1}{2}$ tài sản chung là $367,3m^2$ tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20 vào di sản của ông B2 để chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế và rút một phần yêu cầu độc lập chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4, $\frac{1}{2}$ nhà tắm, $\frac{1}{2}$ giếng đóng gắn liền với đất.

Đối với nhà, đất tại thửa đất 921 bà yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ nhà đất là di sản của ông B2 thành 05 kỷ phần cho 04 người, trong đó bà hưởng 02 kỷ phần (kỷ phần theo pháp luật và kỷ phần công sức tôn tạo, quản lý). Bà xin nhận nhà đất và thối trả giá trị cho các thừa kế. Phần tài sản trên đất chia cho ai thì người đó được hưởng. Tại phiên tòa ông T rút yêu cầu phản tố và ông Q rút một phần yêu cầu khởi kiện chia $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế của ông B2 là $\frac{1}{2}$ nhà cấp 4, $\frac{1}{2}$ nhà tắm, $\frac{1}{2}$ giếng trên thửa đất số 99 thì bà đồng ý.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N, cháu Trần Quốc K, cháu Trần Ngọc Như Ý, do người đại diện hợp pháp bà Phạm Thị N trình bày:

Bà thống nhất, đồng ý với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B. Đối với toàn bộ kỷ phần của bà được hưởng di sản thừa kế của ông B2 tại thửa đất số 921 và tài sản trên đất bà N đồng ý cho lại cho bà B được sử dụng và sở hữu. Còn kỷ phần diện tích đất bà được hưởng di sản thừa kế của ông B2 tại thửa đất số 99, bà yêu cầu hưởng kỷ phần bằng hiện vật, còn kỷ

phần bà được hưởng di sản thừa kế của ông B2 gồm nhà và tài sản khác gắn liền với thửa đất 99 thì bà yêu cầu hưởng bằng giá trị. Phần tài sản trên đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Ngọc T rút toàn bộ khởi kiện yêu cầu phản tố, nguyên đơn ông Phạm Ngọc Q rút một phần khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông B2; bà Nguyễn Thị B tự nguyện nhập $\frac{1}{2}$ tài sản chung vào khối di sản của ông B2 và rút một phần yêu cầu chia tài sản chung thì bà đồng ý.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Thanh C vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản hồi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị B1, cháu Đinh Ngọc Tấn Đ, cháu Đinh Ngọc Tân P1, do người đại diện hợp pháp là bà Đinh Thị B1 trình bày: Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bị đơn ông Phạm Ngọc T.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 20/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản Điều 39, 92, 147, 157, 158, 164, 163, 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, 219, 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 15, 16, 29 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Phạm Ngọc Q, ông Phạm Ngọc T, bà Phạm Thị N, bà Nguyễn Thị B về chia di sản thừa kế của ông Phạm Ngọc B2 là diện tích thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20, xã T, thành phố Q là 734,6m² cho 04 người thừa kế cụ thể như sau:

Ông Phạm Ngọc Q được hưởng diện tích 167m² trong đó có 100m² đất ở, 4,8m² đất quy hoạch đường, có giới cận: cạnh phía Đông dài 7,21m giáp đường đi, cạnh phía Tây dài 7,14m giáp thửa đất số 98, cạnh phía Nam giáp với phần diện tích đất của ông Phạm Ngọc T dài 23,21m, cạnh phía Bắc giáp với đường đất dài 23,41m. Phần diện tích đất ông Phạm Ngọc Q được hưởng ký hiệu là A trong sơ đồ phân chia thửa đất lập ngày 04/6/2019;

Ông Phạm Ngọc T được hưởng 300m² trong đó có 150m đất ở, 11m² đất quy hoạch đường, có giới cận: cạnh phía Đông dài 13,23m giáp đường đi, cạnh phía Tây dài 13,23m giáp thửa đất số 98, cạnh phía Nam giáp với phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị B dài 22,25m, cạnh phía Bắc giáp với phần diện tích đất của ông Phạm Ngọc Q dài 23,21m. Phần diện tích đất ông Phạm Ngọc T được hưởng ký hiệu là B trong sơ đồ phân chia thửa đất lập ngày 04/6/2019;

Bà Nguyễn Thị B được hưởng 110,4m² trong đó có 50m² đất ở, 4,9m² đất quy hoạch đường, có giới cận: cạnh phía Đông dài 05m giáp đường đi, cạnh phía Tây

dài 05m giáp thửa đất số 98, cạnh phía Nam giáp với phần diện tích đất của bà Phạm Thị N dài 21,96m, cạnh phía Bắc giáp với phần diện tích đất của ông Phạm Ngọc Q dài 22,25m. Phần diện tích đất bà Nguyễn Thị B được hưởng ký hiệu là C trong sơ đồ phân chia thửa đất lập ngày 04/6/2019.

Bà Phạm Thị N được hưởng 157,2m² trong đó có 100m² đất ở, 8,5m² đất quy hoạch đường, có giới cận: cạnh phía Đông dài 7,85m giáp đường đi, cạnh phía Tây dài 9,49m giáp thửa đất số 98 và thửa đất số 103, cạnh phía Nam giáp với thửa đất số 103 dài 17,33m, cạnh phía Bắc giáp với phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị B dài 21,96m. Phần diện tích đất bà Phạm Thị N được hưởng ký hiệu là D trong sơ đồ phân chia thửa đất lập ngày 04/6/2019.

Trên phần đất được chia cho người nào có cây cối, tài sản trên đất thì người được nhận phần đất đó được hưởng tài sản đó.

(Phần đất của ông Phạm Ngọc Q, ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị B, bà Phạm Thị N được hưởng thừa kế thì được quyền quản lý, sử dụng có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo và là bộ phận không thể tách rời của Bản án). Đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Q thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y642239, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04283 QSDĐ/1095/QĐ-UB ngày 29/12/2003 đứng tên hộ ông Phạm Ngọc B2 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp để cấp lại cho những người hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật, hiện ông Phạm Ngọc T đang giữ.

Đình chỉ xét xử đối với phần ông Phạm Ngọc Q rút khỏi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Ngọc B2, gồm tài sản gắn liền với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20, xã T, thành phố Q là ½ giá trị căn nhà cấp 4, ½ giá trị nhà tắm, ½ giá trị giếng đóng, tổng cộng là 25.121.580 đồng.

2/Đình chỉ xét xử đối với phần ông Phạm Ngọc T rút toàn bộ khỏi kiện 174,63m² phần tổ chia thừa kế di sản của ông Phạm Ngọc B2 gồm: diện tích đất là 174,65m² và ½ giá trị tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 921, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 136, tờ bản đồ số 17), địa chỉ: xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3/Ghi nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị B đồng ý nhập ½ diện tích tài sản chung thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20 là diện tích 367,3m² của mình vào khối di sản của ông Phạm Ngọc B2 để thỏa thuận chia di sản thừa kế tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20, diện tích 734,6m², xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đình chỉ xét xử đối với phần bà Nguyễn Thị B rút một phần khỏi kiện yêu cầu độc lập chia tài sản chung tài sản gắn liền với thửa đất số 99, tờ bản đồ 20 là ½ giá trị căn nhà cấp 4, ½ giá trị nhà tắm, ½ giá trị giếng đóng, tổng cộng là 25.121.580 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo.

- Tại Quyết định kháng nghị tái thẩm số 48/QĐ-VKS-DS ngày 30/5/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử tái thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự nêu trên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết lại.

- Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 48/QĐ-VKS-DS ngày 30/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Phạm Ngọc Q khởi kiện yêu cầu chia theo pháp luật $\frac{1}{2}$ di sản của ông Phạm Ngọc B2 là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là $367,3m^2$ và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4, $\frac{1}{2}$ nhà tắm, $\frac{1}{2}$ giếng đóng gắn liền với đất. Bị đơn ông Phạm Ngọc T có yêu cầu phản tố chia $\frac{1}{2}$ thửa đất số 921, tờ bản đồ số 20, tờ bản đồ số 20, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là $174,65m^2$ và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có yêu cầu độc lập chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 99, tờ bản đồ số 2, tờ bản đồ số 20, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là $367,3m^2$ và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4, $\frac{1}{2}$ nhà tắm, $\frac{1}{2}$ giếng đóng gắn liền với đất.

[2] Nguyên đơn ông Q rút một phần yêu cầu khởi kiện chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4, $\frac{1}{2}$ nhà tắm, $\frac{1}{2}$ giếng đóng gắn liền với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20; bị đơn ông T rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia $\frac{1}{2}$ thửa đất số 921, tờ bản đồ số 20 là $174,65m^2$ và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà rút một phần yêu cầu độc lập chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4, $\frac{1}{2}$ nhà tắm, $\frac{1}{2}$ giếng đóng gắn liền với đất và tự nguyện nhập $\frac{1}{2}$ tài sản chung là $367,3m^2$ tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20 vào di sản của ông Phạm Ngọc B2 để chia thừa kế cho các đồng thừa kế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết các yêu cầu nêu trên của ông Q, ông T, bà B là đúng quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q, ông T, bà B và bà N đã tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là $734,6m^2$ và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 20 cho 04 người thừa kế cụ thể như sau: Ông Q được hưởng diện tích $167m^2$ trong đó có $100m^2$ đất ở, $4,8m^2$ đất quy hoạch đường; ông Phạm Ngọc T được hưởng $300m^2$ trong đó có $150m$ đất ở, $11m^2$ đất quy hoạch đường; bà Nguyễn Thị B được hưởng $110,4m^2$ trong đó có $50m^2$ đất ở, $4,9m^2$ đất quy hoạch đường; bà Phạm Thị N được hưởng $157,2m^2$ trong đó, có $100m^2$ đất ở, $8,5m^2$ đất quy hoạch đường. Phần diện tích đất ông Q, ông T, bà B và bà N được hưởng lần lượt được hưởng ký hiệu là A, B, C, D trong sơ đồ phân chia thửa đất lập ngày 04/6/2019. Trên phần đất được chia cho người nào có cây cối, tài sản trên đất thì

người được nhận phần đất nào được hưởng tài sản đó. Thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế nêu trên.

[4] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ ông Phạm Ngọc B2, được cấp diện tích 1.290m² bao gồm (400m² đất ở và 890m² đất vườn) thuộc thửa đất 99, tờ bản đồ số 20 tại thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q thì thửa đất số 99 là thửa đất số 55, diện tích 1.198,2m², tờ bản đồ trích đo số 2 xã T, bị thu hồi diện tích 466,2m², diện tích còn lại ngoài quy hoạch là 732m². Do thu hồi đất vườn nên không được bố trí tái định cư. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thửa đất số 99, diện tích đo đạc thực tế là 734,6m² có 400m² đất ở và 334,6m² đất vườn để ghi nhận sự tự nguyện phân chia di sản cho các đương sự.

[5] Tuy nhiên, theo Quyết định thu hồi số 4745/QĐ-UB ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (kèm danh sách các hộ gia đình có đất bị thu hồi) và Biên bản kiểm kê đo đạc diện tích đất của hộ ông Phạm Ngọc B2 thì diện tích đất bị thu hồi là 466,2m² đất ở, như vậy diện tích đất ở theo Giấy chứng nhận không còn, trong khi chưa thể hiện có làm thủ tục thay đổi loại đất, nên Văn phòng Đ1 - Chi nhánh thành phố Q không thể cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo bản án sơ thẩm.

[6] Quyết định thu hồi số 4745/QĐ-UB ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi - kèm danh sách các hộ gia đình có đất bị thu hồi và Biên bản kiểm kê đo đạc diện tích đất của hộ ông Phạm Ngọc B2 bị thu hồi, diện tích 466,2m² đất ở là tình tiết mới được phát hiện sau khi đã có bản án sơ thẩm có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án sơ thẩm.

[7]. Do đó, Hội đồng xét xử tái thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 48/QĐ-VKS-DS ngày 30/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 48/QĐ-VKS-DS ngày 30-5-2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 20-4-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, chia tài sản chung*”, giữa nguyên đơn là ông Phạm Ngọc Q với bị đơn là ông Phạm Ngọc T.

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II-Tòa án nhân dân tối cao;
- Phó CA Phụ trách TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP Q;
- Chi cục THADS TP Q;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GDKT về DS-KDTM-LĐ và HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long